| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN TÂN HIỆP**<br>TỈNH KIÊN GIANG | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc** |

Bản án số:07/2023/HNGĐ-ST
Ngày 23/3/2023
V/v " Tranh chấp ly hôn".

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN HIỆP, TỈNH KIÊN GIANG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Danh Vũ

*Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Bà Võ Thị Ngọc The

2. Bà Phan Thị Trúc Phương

*- Thư ký phiên tòa*: *Bà Huỳnh Thị Cẩm Ni, thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.*

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Không tham gia phiên tòa.*

Trong ngày 23 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 306/2022/TLST- HNGĐ ngày 03 tháng 11 năm 2022 về việc *" Tranh chấp ly hôn"* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 02 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 06/2023/QĐST- HNGĐ ngày 09 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

1/. *Nguyên đơn*: Anh Trần Văn C, sinh năm: 1979 (Có mặt)

Địa chỉ: ấp H, xã H, huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

2/. *Bị đơn*: Chị Phan Thị Kim L, sinh năm: 1982 (Vắng mặt)

Địa chỉ: ấp T, xã H, huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện ngày 04/8/2023 và các lời khai có trong hồ sơ vụ án anh Trần Văn C trình bày:*

Anh Trần Văn C và chị Phan Thị Kim L chung sống với nhau vào tháng 6 năn 2003, có tổ chức đám cưới không có đăng ký kết hôn. Trước khi chung sống vợ chồng có tìm hiểu nhau trước khoảng 01 năm mới tiến tới hôn nhân, hôn nhân tự nguyện, không bị cưỡng ép.

Quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc đến tháng 9/2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng luôn bất đồng quan điểm trong cuộc sống, có lối sống không phù hợp. Từ đó làm cho mâu thuẫn vợ chồng ngày càng thêm trầm trọng và không thể hòa giải.

Nay, anh C xét thấy tình cảm chung của vợ chồng không thể chung sống với nhau được nữa, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng ly thân từ năm 2016 cho đến nay.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Trần Quốc B, sinh ngày 17/8/2005; Trần Thị Thuỳ M, sinh ngày 08/5/2007 các con đã có giấy khai sanh và đang chung sống với vợ chồng.

- Về tài sản chung của vợ chồng: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về phần nợ: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên Tòa án anh C vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Văn C yêu cầu ly hôn với chị Phan Thị Kim L.

- Về con chung: Anh Trần Văn C nhường quyền nuôi con tên Trần Thị Thuỳ M, sinh ngày 08/5/2007 cho chị Phan Thị Kim L trực tiếp trông nom, chăm sóc giáo dục nuôi dưỡng anh C không cấp dưỡng nuôi con. Anh C yêu cầu được nuôi con tên Trần Quốc B, sinh ngày 17/8/2005 không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung của vợ chồng: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về phần nợ: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án, Tòa án tiến hành tống đạt, hợp lệ giấy triệu tập cho chị Phan Thị Kim L tham gia phiên họp kiểm tra việc, giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và triệu tập tham gia phiên tòa, nhưng chị L đều không có mặt và không có lời trình bày.

Theo nguyện vọng của cháu Trần Thị Thuỳ M cháu có nguyện vọng ở với chị L, còn cháu Trần Quốc B có nguyện vọng ở với anh Trần Văn C.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là tranh chấp ly hôn, bị đơn chị Phan Thị Kim L đang cư trú tại ấp T, xã H, huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điểm

a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự .

[2] Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị Phan Thị Kim L.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Văn C và chị Phan Thị Kim L tự nguyện xác lập mối quan hệ hôn nhân từ tháng 6 năm 2003 tuy có đủ điều kiện kết hôn nhưng anh chị không đăng ký kết hôn. Do đó, quan hệ hôn nhân của anh chị đã vi phạm về đăng ký kết hôn được quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình. Việc kết hôn là không thỏa mãn về mặt hình thức.

Theo quy định tại điểm b khoản 3 Nghị Quyết 35 ngày 09-6-2000 Quốc hội quy định: Kể từ ngày 01-01-2001 đến ngày 01-01-2003 trở đi, nam và nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn, đều không được pháp luật công nhận là vợ chồng; nếu có yêu cầu về con và tài sản thì Tòa án áp dụng khoản 2 và khoản 3 Điều 17 luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 để giải quyết. Mặt khác căn cứ khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC – VKSNDTC – BTP ngày 06-01-2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao và Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn nhân và gia đình 2014 quy định "Trường hợp nam nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không có đăng ký kết hôn và có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý giải quyết và áp dụng Điều 9 và Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình tuyên bố không công nhận quan hệ hôn nhân giữa họ". Nếu có yêu cầu Tòa án giải quyết về quyền, nghĩa vụ của cha, mẹ, con… thì giải quyết theo quy định tại Điều 15 Luật hôn nhân và gia đình.

Xét mâu thuẫn thực tế của vợ chồng anh C và chị L đã đến mức trầm trọng, đời sống chung hiện tại không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Bởi lẽ, trong thời gian chung sống anh Cường và chị L luôn bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Mặc dù anh chị đã nhiều lần cố gắn nếu kéo nhưng không mang lại kết quả và anh chị đã ly thân từ năm 2018 cho đến nay. Đồng thời hôn nhân của anh chị có vi phạm về mặt hình thức, nên Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ hôn nhân giữa anh Trần Văn C và chị Phan Thị Kim L.

[4] Về con chung: Anh Trần Văn C, xác nhận có hai con chung tên Trần Quốc B, sinh ngày 17/8/2005 và Trần Thị Thuỳ M, sinh ngày 08/5/2007 hiện nay cháu Trần Thị Thuỳ M đang ở với chị L còn cháu Trần Quốc B đang ở với anh Trần Văn C. Theo nguyện vọng của cháu M có nguyện vọng ở với chị L còn cháu Quốc B có nguyện vọng ở với anh C. Do đó, Hội đồng xét xử thống nhất tiếp tục giao cháu Trần Thị Thuỳ M, sinh ngày 08/5/2007 cho chị Phan Thị Kim L trực tiếp trông nom, chăm sóc giáo dục nuôi dưỡng.

Tiếp tục giao cháu Trần Quốc B, sinh ngày 17/8/2005 cho anh Trần Văn C trực tiếp trông nom, chăm sóc giáo dục nuôi dưỡng.

Anh Trần Văn C, chị Phan Thị Kim L không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, anh C và chị L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, đồng thời anh C và chị L không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Các đương sự có quyền khởi kiện bằng một vụ án khác về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con chung và mức cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Trần Văn C phải chịu 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí hôn nhân sơ thẩm.

[7] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 7 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4, Điều 147, khoản 1 Điều 228; Điều 271, và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 53; các Điều 57, 81,82,83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC – VKSNDTC – BTP ngày 06- 01-2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao và Bộ Tư pháp.

Căn cứ khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Trần Văn Cường.

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ hôn nhân giữa anh Trần Văn C và chị Phan Thị Kim L.

2. Về con chung: Tiếp tục giao cháu Trần Thị Thuỳ M, sinh ngày 08/5/2007 cho chị Phan Thị Kim L trực tiếp trông nom, chăm sóc giáo dục nuôi dưỡng.

Tiếp tục giao cháu Trần Quốc B, sinh ngày 17/8/2005 cho anh Trần Văn C trực tiếp trông nom, chăm sóc giáo dục nuôi dưỡng.

Anh Trần Văn C, chị Phan Thị Kim L không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, anh C và chị L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, đồng thời anh C và chị L không được lạm dụng việc

thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Các đương sự có quyền khởi kiện bằng một vụ án khác về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con chung và mức cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Trần Văn C phải chịu 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền án phí dân sự sơ thẩm hôn nhân và gia đình được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* theo lai thu số: 0002145 ngày 25/10/2022 của Chi cục Thi hành dân sự huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

5. Quyền kháng cáo: Anh Trần Văn C có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị Phan Thị Kim L quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***
- Tòa án ND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Tân Hiệp;
- THA dân sự huyện Tân Hiệp;
- UBND xã;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Danh Vũ**